

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐÀU**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2017



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐÀU

Địa chỉ: Lô U12B-16A, Đường số 22, Khu Chế Xuất Tân Thuận,
Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 – 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán riêng	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	8 – 9
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	10 – 33

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU

Địa chỉ: Lô U12B-16A, Đường số 22, Khu Chế Xuất Tân Thuận
Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Công nghệ Sao Bắc Đầu (dưới đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính riêng đính kèm đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Đức Quang	Chủ tịch
Ông Trần Tuyên Đức	Phó Chủ tịch
Ông Trần Anh Tuấn	Thành viên
Ông Đỗ Văn Hào	Thành viên
Ông Lê Hồng Phong	Thành viên
Ông Hoàng Hải Thịnh	Thành viên
Ông Nguyễn Việt Thắng	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 03/01/2017)
Ông Đặng Nam Sơn	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 03/01/2017)

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Mai Thị Thúy Mai	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Minh Huân	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Thu Hiền	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Trần Anh Tuấn	Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Hải Thịnh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Hồng Phong	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Quốc Khánh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Việt Thắng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Xuân Trường	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hồng Minh	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 26/02/2018)
Ông Nguyễn Xuân Quang	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 03/01/2017)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐÁU

Địa chỉ: Lô U12B-16A, Đường số 22, Khu Chế Xuất Tân Thuận
Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính riêng.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư Vấn RSM Việt Nam, thành viên RSM Quốc tế.

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính riêng kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Trần Anh Tuấn
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 03 năm 2018

61
NC
TNI
ÁN
VI
P

Số: 18.206/BCKT-RSM HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các thành viên Hội đồng Quản trị
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐÀU**

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính riêng

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Công Nghệ Sao Bắc Đẩu (dưới đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 26 tháng 03 năm 2018 từ trang 05 đến trang 33, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Công Nghệ Sao Bắc Đẩu tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

KÝ TÓNG GIÁM ĐỐC



Lục Thị Vân
Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
0172-2018-026-1

Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam
TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 03 năm 2018



Nguyễn Thị Hải Yến
Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
2843-2016-026-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/12/2017

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2017	Tại ngày 01/01/2017
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		587.044.373.678	527.167.179.298
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	42.293.895.367	46.285.928.094
1. Tiền	111		33.224.381.478	34.285.928.094
2. Các khoản tương đương tiền	112		9.069.513.889	12.000.000.000
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		498.494.195.260	322.986.574.927
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	412.175.831.877	252.789.327.929
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.4	9.091.109.508	10.543.474.110
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.5	79.734.716.511	62.161.235.524
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(2.507.462.636)	(2.507.462.636)
III. Hàng tồn kho	140		46.129.582.025	157.167.272.576
1. Hàng tồn kho	141	4.6	46.137.019.823	161.099.850.035
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(7.437.798)	(3.932.577.459)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		126.701.026	727.403.701
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		126.701.026	385.739.291
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	341.664.410
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		71.917.395.751	70.245.242.767
I. Tài sản cố định	220		30.574.939.243	39.398.187.566
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.7	22.907.056.800	39.299.259.558
Nguyên giá	222		64.001.339.182	81.599.542.021
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(41.094.282.382)	(42.300.282.463)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	4.8	7.621.735.220	-
Nguyên giá	225		7.839.499.083	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		(217.763.863)	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	4.9	46.147.223	98.928.008
Nguyên giá	228		1.288.773.454	1.412.067.369
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.242.626.231)	(1.313.139.361)
II. Tài sản dở dang dài hạn	240		45.612.757	-
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		45.612.757	-
III. Đầu tư tài chính dài hạn	250	4.2	26.559.143.405	19.743.127.408
1. Đầu tư vào công ty con	251		33.200.000.000	24.200.000.000
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(6.640.856.595)	(4.456.872.592)
IV. Tài sản dài hạn khác	260		14.737.700.346	11.103.927.793
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.10	14.548.937.012	10.915.164.459
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		188.763.334	188.763.334
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		658.961.769.429	597.412.422.065

(Xem tiếp trang sau)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 31/12/2017

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2017	Tại ngày 01/01/2017
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		534.844.446.923	490.005.375.992
I. Nợ ngắn hạn	310		530.886.005.264	490.005.375.992
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.11	200.869.530.013	249.033.866.225
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	4.12	17.658.777.124	25.627.940.199
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.13	23.163.371.793	5.042.783.069
4. Phải trả người lao động	314	4.14	6.830.220.835	3.745.638.822
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.15	6.608.956.925	5.889.019.525
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	4.16	4.460.000.000	5.090.820.770
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.17	7.314.254.664	2.600.792.478
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	4.18	263.980.893.910	192.974.514.904
II. Nợ dài hạn	330		3.958.441.659	-
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	4.18	3.958.441.659	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		124.117.322.506	107.407.046.073
I. Vốn chủ sở hữu	410	4.19.1	124.117.322.506	107.407.046.073
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	4.19.2	90.000.000.000	84.879.070.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		90.000.000.000	84.879.070.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		1.013.725.739	613.725.739
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		33.103.596.767	21.914.250.334
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		9.553.637.346	3.471.208.689
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		23.549.959.421	18.443.041.645
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		658.961.769.429	597.412.422.065



Trần Anh Tuấn
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 03 năm 2018

Trần Phan Thúy An
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thu Hiền
Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐÀUĐịa chỉ: Lô U12B-16A, Đường số 22, Khu Chế Xuất Tân Thuận,
Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Mẫu số B 02 - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2017	Năm 2016
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	901.746.490.595	797.385.862.948
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		901.746.490.595	797.385.862.948
3. Giá vốn hàng bán	11	5.2	781.389.672.804	686.472.158.612
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		120.356.817.791	110.913.704.336
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	6.595.272.807	5.187.766.910
6. Chi phí tài chính	22	5.4	18.734.389.760	16.078.135.248
<i>Trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		<i>16.078.673.471</i>	<i>11.106.995.820</i>
7. Chi phí bán hàng	25	5.5	32.786.467.148	31.230.345.905
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.6	59.341.881.316	53.008.886.075
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		16.089.352.374	15.784.104.018
10. Thu nhập khác	31	5.7	10.900.254.639	7.768.045.314
11. Chi phí khác	32		1.037.296.663	818.543.573
12. Lợi nhuận khác	40		9.862.957.976	6.949.501.741
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		25.952.310.350	22.733.605.759
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.9	2.402.350.929	4.271.687.782
15. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	18.876.332
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		23.549.959.421	18.443.041.645



Trần Anh Tuấn
TỔNG GIÁM ĐỐC

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 03 năm 2018

Trần Phan Thúy An
KẾ TOÁN TRƯỞNG

Nguyễn Thị Thu Hiền
NGƯỜI LẬP

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2017	Năm 2016
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		25.952.310.350	22.733.605.759
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	5.8	10.963.949.997	13.452.925.576
Các khoản dự phòng	03		(1.741.155.658)	5.186.039.960
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(109.160.664)	490.687.321
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1.752.575.037)	(6.170.271.558)
Chi phí lãi vay	06	5.4	16.078.673.471	11.106.995.820
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		49.392.042.460	46.799.982.878
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(175.013.836.880)	4.424.325.264
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		126.966.901.309	(66.325.162.945)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(28.874.212.374)	13.476.472.060
Tăng giảm chi phí trả trước	12		(3.374.734.288)	(210.154.998)
Tiền lãi vay đã trả	14		(16.105.670.407)	(11.096.748.790)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	4.13	(1.000.000.000)	(4.657.161.331)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(48.009.510.180)	(17.588.447.862)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(22.028.007.248)	(12.547.776.465)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		7.827.297.863	1.832.172.619
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		-	(17.500.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	17.500.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(9.000.000.000)	(6.250.000.000)
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.656.392.607	3.154.616.993
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(21.544.316.778)	(13.810.986.853)

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐÀUĐịa chỉ: Lô U12B-16A, Đường số 22, Khu Chế Xuất Tân Thuận,
Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Mẫu số B 03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2017	Năm 2016
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	4.19.1	2.574.640.000	2.000.000.000
2. Tiền thu từ đi vay	33	6.1	622.923.019.777	496.823.906.673
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	6.2	(547.958.199.112)	(427.222.342.200)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho sở hữu	36		(12.035.507.275)	(8.632.597.249)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		65.503.953.390	62.968.967.224
LƯU CHUYỂN THUẦN TRONG NĂM	50		(4.049.873.568)	31.569.532.509
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		46.285.928.094	14.654.234.758
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		57.840.841	62.160.827
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM	70	4.1	42.293.895.367	46.285.928.094



Trần Anh Tuấn
Tổng Giám đốc
TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 03 năm 2018

Trần Phan Thúy An
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thu Hiền
Người lập

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Công Nghệ Sao Bắc Đẩu (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trước đây là Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Điện – Điện tử – Tin học Sao Bắc Đẩu. Ngày 30 tháng 08 năm 2007, Công ty được chuyển đổi thành công ty cổ phần có tên gọi là Công ty Cổ phần Công Nghệ Sao Bắc Đẩu theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4103002093 ngày 11 tháng 02 năm 2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 09 tháng 11 năm 2017.

Ngày 11 tháng 12 năm 2007, Công ty đã đăng ký là Công ty đại chúng tại Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Tại ngày 31 tháng 10 năm 2016, Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam chứng nhận Công ty đã đăng ký chứng khoán và được cấp mã chứng khoán theo Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 131/2016/GCNCP-VSD vào ngày 31 tháng 10 năm 2016.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 90.000.000.000 đồng, được chi tiết như sau:

Nhà đầu tư	Quốc gia/ Quốc tịch	Tại ngày 31/12/2017		Tại ngày 01/01/2017	
		Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)
Ông Nguyễn Đức Quang	Việt Nam	17.162.670.000	19,07	16.661.990.000	19,63
Cổ đông khác	Việt Nam	72.837.330.000	80,93	68.217.080.000	80,37
Cộng		90.000.000.000	100,00	84.879.070.000	100,00

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Lô U12B-16A, Đường số 22, Khu Chế Xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 194 (31/12/2016: 201).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Kinh doanh tích hợp hệ thống công nghệ thông tin.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

Sản xuất, lắp ráp, sửa chữa sản phẩm điện, điện tử, tin học (không hoạt động tại trụ sở). Mua bán hàng kim khí điện máy, đồ điện, sản phẩm tin học, thiết bị văn phòng, dây cáp điện, các loại đầu nối, linh kiện điện tử. Đại lý kỹ gởi hàng hóa. Môi giới thương mại. Dịch vụ cho thuê máy văn phòng. Mua bán điện thoại các loại, máy fax, tổng đài PABX (tới 32 số). Mua bán, lắp đặt và bảo trì hàng điện, điện tử, thiết bị tin học – mạng tin học. Mua bán, sản xuất, lắp đặt, bảo trì thiết bị ngành bưu chính viễn thông – mạng viễn thông; mua bán, sản xuất vật tư ngành bưu chính viễn thông; đại lý cung cấp các dịch vụ bưu chính viễn thông. Mua bán và sản xuất phần mềm tin học, thiết kế trang Web. Dịch vụ cung cấp thông tin lên mạng Internet. Đại lý cung cấp dịch vụ Internet (không kinh doanh đại lý cung cấp Internet tại trụ sở). Dịch vụ tư vấn, đào tạo kỹ thuật tin học, viễn thông. Cho thuê văn phòng. Mua bán, lắp đặt, sửa chữa, bảo trì thiết bị điện, thiết bị điều khiển tự động (không gia công cơ khí, xi mạ điện, tái chế phế thải tại trụ sở). Tư vấn về chuyển giao công nghệ. Đào tạo nghề. Mua bán phần mềm, máy móc, thiết bị cho ngành phát thanh và truyền hình. Sản xuất, mua bán và phát hành phim, băng đĩa có nội dung được phép lưu hành (không mua bán băng đĩa tại trụ sở). Kinh doanh bất động sản. Xây dựng công trình dân

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

dụng, công nghiệp. Đại lý bán vé máy bay. Thiết kế hệ thống mạng vi tính (thiết kế, tạo lập trang chủ Internet, thiết kế hệ thống mạng máy tính tích hợp phần cứng phần mềm và với các công nghệ truyền thông). Dịch vụ khoa học thuật: tích hợp hệ thống, chuyển giao công nghệ thông tin.

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.5. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty có các công ty con như sau:

<u>Tên</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết</u>	<u>Tỷ lệ vốn góp</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>
Công ty CP Dịch vụ Công Nghệ Sao Bắc Đẩu	Gian hàng số T3-B4L, Tầng hầm, Tòa nhà Topaz, Số 92 Nguyễn Hữu Cảnh, Phường 22, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	76,67%	76,67%	76,67%
Công ty CP Công Nghệ Số Sao Bắc Đẩu	Tầng 8, Tòa nhà Loyal, 151 Võ Thị Sáu, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh	73%	73%	73%
Công ty CP Dịch vụ Viễn Thông Sao Bắc Đẩu	Tầng 1 tòa nhà Lilama 10, Phố Tố Hữu, Phường Trưng Vãn, Quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội	60%	60%	60%
Công ty CP Công Nghệ Sao Bắc Đẩu Miền Nam	Phòng 26, nhà 8, Đường số 3, Công viên phần mềm Quang Trung, Phường Tân Chánh Hiệp, TP. Hồ Chí Minh	61%	61%	61%

Các đơn vị trực thuộc tính đến 31 tháng 12 năm 2017 gồm:

<u>Tên</u>	<u>Địa chỉ</u>
Chi nhánh tại Hà Nội	Tầng 15, Tòa nhà Lilama 10, Phố Tố Hữu, Phường Trưng Vãn, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội
Chi nhánh tại Đà Nẵng	02 Quang Trung, Phường Thạch Thang, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

2.3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**2.4. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG**3.1. Ngoại tệ**

- Tỷ giá áp dụng trong kế toán là tỷ giá của Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam;
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại tài sản là tỷ giá mua ngoại tệ;
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ;
- Các loại tỷ giá áp dụng trong giao dịch khác là tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

3.2. Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với Chuẩn mực kế toán "Báo cáo lưu chuyển tiền tệ".

3.4. Đầu tư tài chính***Các khoản đầu tư vốn vào đơn vị khác******Đầu tư vào công ty con***

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư vào công ty con khi Công ty có quyền kiểm soát các chính sách và hoạt động, thường thể hiện qua việc nắm giữ hơn 50% quyền biểu quyết.

Các khoản đầu tư vào công ty con được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có). Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính theo giá trị hợp lý tại ngày được quyền nhận.

78.
31
H
&T
TN
10

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)***Phương pháp lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính***

Đối với các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Dự phòng tổn thất đầu tư tài chính dài hạn được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 (Thông tư 228) và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 06 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228 của Bộ Tài chính. Theo đó, Công ty được yêu cầu trích lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính dài hạn nếu tổ chức kinh tế mà Công ty đang đầu tư bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch theo phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích tối đa cho mỗi khoản đầu tư bằng số vốn đã đầu tư.

3.5. Nợ phải thu***Nguyên tắc ghi nhận***

Các khoản nợ phải thu bao gồm các khoản phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được trình bày theo giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ với các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.6. Hàng tồn kho***Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho***

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Cuối năm tài chính, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

	Năm 2017
▪ Nhà cửa, vật kiến trúc	15 năm
▪ Máy móc thiết bị	3 – 5 năm
▪ Phương tiện vận tải truyền dẫn	6 năm

3.8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

Nguyên tắc kế toán các tài sản cố định vô hình***Phần mềm máy vi tính***

Phần mềm máy vi tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích.

3.9. Cho thuê tài sản***Cho thuê hoạt động***

Tài sản cho thuê hoạt động được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán theo cách phân loại tài sản của Công ty.

Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động được phân bổ dần vào chi phí trong suốt thời hạn cho thuê theo thời hạn của hợp đồng thuê. Doanh thu cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn thuê, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán.

Khấu hao tài sản cho thuê hoạt động được thực hiện trên cơ sở nhất quán với chính sách khấu hao của bên cho thuê áp dụng đối với những tài sản tương tự.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**3.10. Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn theo kỳ hạn gốc và chủ yếu là chi phí liên quan đến giá vốn công cụ, dụng cụ và tiền thuê đất trả trước,.... Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:

- Tiền thuê đất, thuê cơ sở hạ tầng, thuê tài sản cố định trả trước được phân bổ theo thời hạn thuê.
- Công cụ, dụng cụ được phân bổ dần từ 01 năm đến 03 năm vào kết quả hoạt động kinh doanh;

3.11. Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán, phải trả nội bộ và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Phải trả nội bộ là các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

3.12. Chi phí phải trả

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho giá trị phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

3.13. Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện bao gồm doanh thu nhận trước như: Số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán.

Hàng kỳ tính, xác định và kết chuyển doanh thu chưa thực hiện vào doanh thu trong kỳ phù hợp.

3.14. Nguồn vốn chủ sở hữu***Vốn đầu tư của chủ sở hữu***

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

Quỹ dự trữ

Các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập theo qui định trong Điều lệ Công ty.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được phân phối cho các cổ đông sau khi được Đại hội cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**3.15. Doanh thu, thu nhập khác*****Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

3.16. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán ra trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

3.17. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí cho vay và đi vay vốn, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, lỗ tỷ giá hối đoái.

3.18. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán hàng như các chi phí về lương nhân viên bộ phận bán hàng (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng).

3.19. Thuế***Thuế thu nhập doanh nghiệp******Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành***

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành như sau:

- Thuế suất 10% đối với hoạt động được hưởng ưu đãi;
- Thuế suất 20% đối với hoạt động không ưu đãi.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, chi nhánh, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (lỗ tính thuế) tại thời điểm giao dịch.
- Tài sản thuế hoãn lại cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, chi nhánh, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh chỉ được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi giảm đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí để tính lãi, lỗ của kỳ phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng kỳ hay một kỳ khác.

Công ty chỉ được bù trừ tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại với thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

Ưu đãi, miễn giảm thuế

Theo Giấy phép đầu tư số 41221000097 ngày 14 tháng 03 năm 2008 do Ban Quản lý các Khu chế xuất và Công nghiệp TP. Hồ Chí Minh cấp để thực hiện dự án "Trung tâm tích hợp hệ thống" tại Khu chế xuất Tân Thuận.

Căn cứ Nghị định số 71/2007/NĐ-CP ngày 03 tháng 05 năm 2007 của Chính phủ; Thông tư 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 06 năm 2014; Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 06 năm 2015 thì Công ty có dự án đầu tư mở rộng đáp ứng điều kiện ưu đãi thuế là hoạt động trong lĩnh vực sản xuất phần mềm, dịch vụ phần mềm thực hiện tại khu chế xuất. Theo đó, Công ty chọn hưởng ưu đãi theo:

- Miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong ba (03) năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế (kể từ năm 2011).
- Giảm 50% trong bảy (07) năm tiếp theo (kể từ năm 2014).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Ngoài ra, theo công văn trả lời số 12630/CT-TTHT ngày 23 tháng 12 năm 2016 của Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh thì Công ty đang được tính ưu đãi thuế cho thời gian còn lại kể từ kỳ tính thuế năm 2015.

Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Công ty cung cấp được tính theo các mức thuế như sau:

- Phần mềm tin học: 0%;
- Hàng hóa: 10%;
- Dịch vụ cho thuê và các dịch vụ khác: 10%.

Các loại thuế khác

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

3.20. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm các giám đốc, các cán bộ điều hành của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Tại ngày 31/12/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Tiền mặt	165.256.204	7.693.812.943
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	33.059.125.274	26.592.115.151
Các khoản tương đương tiền	9.069.513.889	12.000.000.000
Cộng	42.293.895.367	46.285.928.094

Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi tại các ngân hàng bằng VND có kỳ hạn gốc 1 tháng với lãi suất 5,5%/năm.

U V A
 A M
 C H I

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐÁU

Địa chỉ: Lô U12B-16A, Đường số 22, Khu Chế Xuất Tân Thuận,
Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.2. Các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư vào công ty con được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2017		Tại ngày 01/01/2017	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc	Giá trị hợp lý VND
Công ty CP Dịch vụ Công Nghệ Sao Bắc Đẩu	13.800.000.000	-	13.800.000.000	-
Công ty CP Công Nghệ Số Sao Bắc Đẩu	7.300.000.000	(5.581.937.682)	7.400.000.000	(4.079.179.718)
Công ty CP Dịch vụ Viễn Thông Sao Bắc Đẩu	6.000.000.000	(1.058.918.913)	3.000.000.000	(377.692.874)
Công ty CP Công Nghệ Sao Bắc Đẩu Miền Nam	6.100.000.000	-	-	-
Cộng	33.200.000.000	(6.640.856.595)	24.200.000.000	(4.456.872.592)

Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào các công ty con để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Tại ngày 31/12/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Công ty CP Đầu Tư Đèo Cả	160.539.854.458	11.894.925.445
Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng trụ sở Bộ Ngoại giao	36.203.153.580	38.580.821.706
Tập Đoàn Viễn Thông Quân Đội	32.455.399.350	30.187.701.500
Tổng Công ty Điện Lực Miền Nam TNHH	15.081.846.000	-
Công ty TNHH MTV Điện Lực Đồng Nai	-	15.192.700.000
Các khách hàng khác	129.224.653.317	149.518.132.663
Phải thu khách hàng là các bên có liên quan – xem thêm mục 7	38.670.925.172	7.415.046.615
Cộng	412.175.831.877	252.789.327.929

4.4. Trả trước cho người bán

	Tại ngày 31/12/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Công ty CP Đầu tư Phát triển công nghệ Trí Nam	2.065.566.640	-
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Hải Thạch	1.627.534.977	1.627.534.977
Công ty CP Đầu Tư Và Phát Triển Hưng Phát	1.498.170.984	1.498.170.984
Japan Radio Co., Ltd	-	4.406.036.484
Các nhà cung cấp khác	3.720.899.305	3.011.731.665
Phải thu khách hàng là các bên có liên quan – xem thêm mục 7	178.937.602	-
Cộng	9.091.109.508	10.543.474.110

4.5. Phải thu ngắn hạn khác

	Tại ngày 31/12/2017 VND		Tại ngày 01/01/2017 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu về tạm ứng	3.595.356.283	-	2.684.534.514	-
Ký cược, ký quỹ	67.854.442.352	-	57.619.394.048	-
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia – Xem thêm mục 7	4.426.667.000	-	-	-
Phải thu khác	3.858.250.876	-	1.857.306.962	-
Cộng	79.734.716.511	-	62.161.235.524	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.6. Hàng tồn kho

	Tại ngày 31/12/2017		Tại ngày 01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng đang đi trên đường	7.301.124.984	-	-	-
Hàng tại kho Công ty	3.203.152.532	(7.437.798)	15.091.606.564	(3.932.577.459)
Hàng đã xuất kho triển khai	22.735.345.978	-	92.427.611.177	-
Kho theo dõi hàng cho thuê	54.393.175	-	57.527.820	-
Kho theo dõi hàng Hà Nội	632.211.057	-	522.475.874	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	12.210.792.097	-	53.000.628.600	-
Cộng	46.137.019.823	(7.437.798)	161.099.850.035	(3.932.577.459)

4.7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Cộng VND
Nguyên giá:				
Tại ngày 01/01/2017	15.138.594.055	63.533.213.856	2.927.734.110	81.599.542.021
Mua trong năm	-	14.188.508.165	-	14.188.508.165
Điều chuyển sang hàng hóa	-	(23.055.501.799)	-	(23.055.501.799)
Thanh lý, nhượng bán	-	(8.731.209.205)	-	(8.731.209.205)
Tại ngày 31/12/2017	15.138.594.055	45.935.011.017	2.927.734.110	64.001.339.182
Giá trị hao mòn lũy kế:				
Tại ngày 01/01/2017	5.511.468.628	35.815.402.487	973.411.348	42.300.282.463
Khấu hao trong năm	1.013.381.623	9.192.068.042	487.955.684	10.693.405.349
Điều chuyển sang hàng hóa	-	(11.051.430.701)	-	(11.051.430.701)
Thanh lý, nhượng bán	-	(847.974.729)	-	(847.974.729)
Tại ngày 31/12/2017	6.524.850.251	33.108.065.099	1.461.367.032	41.094.282.382
Giá trị còn lại:				
Tại ngày 01/01/2017	9.627.125.427	27.717.811.369	1.954.322.762	39.299.259.558
Tại ngày 31/12/2017	8.613.743.804	12.826.945.918	1.466.367.078	22.907.056.800

Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình đã dùng thể chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay là 8.613.743.804 đồng – Xem thêm mục 4.18.

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 17.150.153.041 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.8. Tài sản cố định thuê tài chính

	Tại ngày 01/01/2017 VND	Tăng VND	Giảm VND	Tại ngày 31/12/2017 VND
Máy móc, thiết bị				
Nguyên giá	-	7.839.499.083	-	7.839.499.083
Giá trị hao mòn lũy kế	-	(217.763.863)	-	(217.763.863)
Giá trị còn lại	-			7.621.735.220

4.9. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Tại ngày 01/01/2017 VND	Tăng VND	Giảm VND	Tại ngày 31/12/2017 VND
Phần mềm máy vi tính				
Nguyên giá	1.412.067.369	-	123.293.915	1.288.773.454
Giá trị hao mòn lũy kế	(1.313.139.361)	(52.780.785)	(123.293.915)	(1.242.626.231)
Giá trị còn lại	98.928.008			46.147.223

Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 1.130.431.096 VND.

4.10. Chi phí trả trước dài hạn

	Tại ngày 31/12/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Quyền sử dụng đất	8.317.535.762	8.694.178.890
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	1.564.676.544	2.220.985.569
Khác	4.666.724.706	-
Cộng	14.548.937.012	10.915.164.459

Trong đó, quyền sử dụng đất tại Lô U12B-16A, Đường số 22, Khu Chế Xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh đã dùng thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn là 8.317.535.762 đồng – Xem thêm mục 4.18.

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐÀUĐịa chỉ: Lô U12B-16A, Đường số 22, Khu Chế Xuất Tân Thuận,
Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.11. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Tại ngày 31/12/2017		Tại ngày 01/01/2017	
	VND		VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Specialised Products (Western) Ltd Công ty CP	42.598.393.781	42.598.393.781	-	-
Truyền thông và Công nghệ A1 Công ty TNHH	32.765.508.708	32.765.508.708	29.771.314.084	29.771.314.084
Azbil Việt nam Công ty TNHH	15.347.232.962	15.347.232.962	28.614.169.464	28.614.169.464
Kỹ thuật Tự động Cửu Long Blue Sky	12.571.383.499	12.571.383.499	7.182.227.099	7.182.227.099
Solutions Global Trading Co., Ltd Cisco International Limited	12.565.697.702	12.565.697.702	34.877.140.140	34.877.140.140
Phải trả cho các đối tượng khác	12.338.218.637	12.338.218.637	12.254.362.129	12.254.362.129
Phải trả cho các bên liên quan – Xem thêm mục 7	72.348.431.755	72.348.431.755	135.901.983.309	135.901.983.309
	334.662.969	334.662.969	432.670.000	432.670.000
Cộng	200.869.530.013	200.869.530.013	249.033.866.225	249.033.866.225

4.12. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2017		Tại ngày 01/01/2017	
	VND		VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngân hàng TMCP Nam Á	9.542.618.000	9.542.618.000	9.542.618.000	9.542.618.000
Công ty CP Giải Trí Và Thể thao Điện tử Việt Nam	2.112.161.834	2.112.161.834	-	-
Công ty TNHH Liên Doanh Sun Ivy	1.030.119.552	1.030.119.552	1.030.119.552	1.030.119.552
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Hải Thạch	-	-	10.000.000.000	10.000.000.000
Công ty TNHH Đầu tư và Công nghệ Nam Thắng	-	-	1.500.000.000	1.500.000.000
Phải trả cho các đối tượng khác	4.973.877.738	4.973.877.738	3.555.202.647	3.555.202.647
Cộng	17.658.777.124	17.658.777.124	25.627.940.199	25.627.940.199

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.13. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước

	Tại ngày 01/01/2017	Trong năm		Tại ngày
	VND	VND		31/12/2017
	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp/khấu trừ	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	676.846.442	225.369.183.113	208.702.928.864	17.343.100.691
Thuế xuất khẩu, nhập khẩu	-	73.838.583	73.838.583	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.074.554.053	(915.186.583)	1.000.000.000	1.159.367.470
Thuế thu nhập cá nhân	461.859.812	3.502.294.180	2.831.111.653	1.133.042.339
Các loại thuế khác	829.522.762	7.137.930.047	4.439.591.516	3.527.861.293
Cộng	5.042.783.069	235.168.059.340	217.047.470.616	23.163.371.793

4.14. Phải trả người lao động

Là khoản lương tháng 13 năm 2017 còn phải trả cho người lao động.

4.15. Chi phí phải trả ngắn hạn

Là chi phí trích trước tương ứng với doanh thu cung cấp dịch vụ đã thực hiện.

4.16. Doanh thu chưa thực hiện

Là doanh thu chưa thực hiện về cung cấp dịch vụ Internet cho khách hàng theo hợp đồng số 10.(DNG8b-DC) giữa Công ty và Ban Quản lý dự án Phát triển Công nghệ thông tin và Truyền thông tại Thành phố Đà Nẵng.

4.17. Phải trả ngắn hạn khác

	Tại ngày 31/12/2017	Tại ngày 01/01/2017
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	974.713.234	871.973.916
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	1.240.188.775	543.835.550
Các khoản phải trả, phải nộp khác	5.099.352.655	1.184.983.012
Cộng	7.314.254.664	2.600.792.478

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU

Địa chỉ: Lô U12B-16A, Đường số 22, Khu Chế Xuất Tân Thuận,
Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.18. Vay và nợ thuế tài chính**

Các khoản vay được chi tiết như sau:

	Tại ngày 01/01/2017			Tại ngày 31/12/2017		
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Trong năm VND	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	VND
Ngắn hạn:						
Vay ngân hàng	183.964.514.904	183.964.514.904	537.252.274.148	258.099.836.486	258.099.836.486	
Vay đối tượng khác	4.000.000.000	4.000.000.000	-	2.000.000.000	2.000.000.000	
Vay dài hạn đến hạn trả	5.010.000.000	5.010.000.000	3.881.057.424	3.881.057.424	3.881.057.424	
Cộng	192.974.514.904	192.974.514.904	541.133.331.572	263.980.893.910	263.980.893.910	
Dài hạn:						
Vay ngân hàng	5.010.000.000	5.010.000.000	-	-	-	
Nợ thuế tài chính	-	-	7.839.499.083	7.839.499.083	7.839.499.083	
Trừ nợ dài hạn đến hạn trả	(5.010.000.000)	(5.010.000.000)	(3.881.057.424)	(3.881.057.424)	(3.881.057.424)	
Cộng	-	-	3.958.441.659	3.958.441.659	3.958.441.659	
Tổng cộng	192.974.514.904	192.974.514.904	545.091.773.231	267.939.335.569	267.939.335.569	

Các khoản vay ngân hàng ngắn hạn chịu lãi suất từ 5,8%/năm đến 8%/năm đối với VND. Các khoản vay này được thế chấp bằng:

- Công trình xây dựng văn phòng, tài sản hình thành từ vốn vay và hệ thống máy chủ và thiết bị mạng và Quyền sử dụng đất thuê tại lô số U12b-16A, đường số 22, Khu Chế Xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh với giá trị còn lại lần lượt là 8.613.743.804 đồng và 8.317.535.762 đồng – Xem thêm mục 4.7 và mục 4.10;
- Quyền đòi nợ đã hình thành từ các hợp đồng kinh tế giữa Công ty và khách hàng;
- Hàng hóa, khoản phải thu, hợp đồng tiền gửi, sổ tiết kiệm, sổ tiền ký quỹ, tài sản hình thành từ vốn vay;
- Số tiền ký quỹ, tài sản hình thành từ phương án vay, các khoản phải thu hình thành từ phương án vay.

Vay đối tượng khác là các khoản vay dưới hình thức tín chấp, thời hạn 1 tháng và chịu lãi suất 7,5%/năm bằng VND là khoản vay từ bên liên quan là Công ty CP Dịch vụ Công Nghệ Sao Bắc Đầu - Xem thêm mục 7.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐÁU

Địa chỉ: Lô U12B-16A, Đường số 22, Khu Chế Xuất Tân Thuận,
Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.19. Vốn chủ sở hữu****4.19.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu			Cộng VND
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	
Tại ngày 01/01/2016	82.879.070.000	-	12.372.841.428	95.251.911.428
Tăng vốn trong năm trước	2.000.000.000	-	-	2.000.000.000
Lãi trong năm trước	-	-	18.443.041.644	18.443.041.644
Chia cổ tức	-	-	(8.287.907.000)	(8.287.907.000)
Trích quỹ	-	613.725.739	(613.725.739)	-
Tại ngày 01/01/2017	84.879.070.000	613.725.739	21.914.250.334	107.407.046.073
Tăng vốn trong năm nay	5.120.930.000	-	-	5.120.930.000
Lãi trong năm nay	-	-	23.549.959.421	23.549.959.421
Chia cổ tức	-	-	(15.278.150.500)	(15.278.150.500)
Trích quỹ	-	400.000.000	(400.000.000)	-
Giảm thuế TNDN phải nộp năm 2015, 2016 (*)	-	-	3.317.537.512	3.317.537.512
Tại ngày 31/12/2017	90.000.000.000	1.013.725.739	33.103.596.767	124.117.322.506

Trong năm, Công ty phát hành thêm cổ phiếu theo hai hình thức:

- Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 03/NQ-ĐHCD-2017 và 07/NQ-ĐHCD-2017 ngày 21 tháng 04 năm 2017 và Nghị quyết Hội đồng quản trị số 18/2017/QĐ-HĐQT và 19/2017/QĐ-HĐQT ngày 30 tháng 05 năm 2017, Công ty đã chia cổ tức đợt 2 năm 2016 bằng cổ phiếu theo tỷ lệ 3% còn lại năm 2016 với số tiền là 2.546.290.000 đồng (tương đương 254.629 cổ phiếu). Việc phát hành cổ phiếu này đã được UBCKNN xác nhận kết quả phát hành vào ngày 08 tháng 08 năm 2017.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

- Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 07/NQ-ĐHĐCĐ-2017 ngày 21 tháng 04 năm 2017 đã thông qua phương án phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho tổ chức, cá nhân có nhu cầu trong năm 2017. Tổng số cổ phiếu phát hành thêm là 257.464 cổ phiếu với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phiếu, tương đương tổng giá trị phát hành là 2.574.640.000 đồng. Việc phát hành cổ phiếu này đã được UBCKNN xác nhận kết quả phát hành vào ngày 28 tháng 09 năm 2017. Nguồn vốn tăng thêm này được sử dụng vào việc tăng vốn lưu động cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

(*) Như đã trình bày tại thuyết minh 3.19, ngày 23 tháng 12 năm 2016, Công ty nhận được công văn trả lời số 12630/CT-TTHT của Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh về việc ưu đãi thuế TNDN kể từ kỳ tính thuế năm 2015. Theo đó, Công ty được hoàn nhập số thuế TNDN đã nộp tương ứng cho năm tài chính 2015 và 2016 đã nộp thừa với số tiền là 3.317.537.512 đồng.

4.19.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Tại ngày 31/12/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Ông Nguyễn Đức Quang	17.162.670.000	16.661.990.000
Cổ đông khác	72.837.330.000	68.217.080.000
Cộng	90.000.000.000	84.879.070.000

4.19.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Tại ngày 31/12/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu:		
Vốn góp đầu năm	84.879.070.000	82.879.070.000
Vốn góp tăng trong năm	5.120.930.000	2.000.000.000
Vốn góp cuối năm	90.000.000.000	84.879.070.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	15.278.150.500	8.287.907.000

4.19.4. Cổ phiếu

	Tại ngày 31/12/2017	Tại ngày 01/01/2017
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	9.000.000	8.487.907
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	9.000.000	8.487.907
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	9.000.000	8.487.907

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.

4.20. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

	Tại ngày 31/12/2017	Tại ngày 01/01/2017
Ngoại tệ các loại:		
USD	41.353,41	50.604,61

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH****5.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Doanh thu tích hợp hệ thống thiết bị công nghệ thông tin	774.563.033.533	713.414.111.315
Doanh thu cung cấp dịch vụ	127.183.457.062	83.971.751.633
Cộng	901.746.490.595	797.385.862.948
Trong đó, doanh thu đối với các bên liên quan – Xem thêm mục 7	91.337.839.849	4.532.205.144

5.2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Giá vốn tích hợp hệ thống thiết bị công nghệ thông tin	715.693.158.830	613.386.088.526
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	65.696.513.974	73.086.070.086
Cộng	781.389.672.804	686.472.158.612

5.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lãi chênh lệch tỷ giá	250.933.493	653.149.917
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	109.160.664	-
Lãi tiền gửi ngân hàng, cho vay	1.808.511.650	2.050.616.993
Cổ tức, lợi nhuận được chia	4.426.667.000	2.484.000.000
Cộng	6.595.272.807	5.187.766.910

5.4. Chi phí tài chính

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lãi tiền vay	15.819.034.593	10.868.662.494
Lãi tiền vay từ các bên liên quan – Xem thêm mục 7	259.638.878	238.333.326
Lỗ chênh lệch tỷ giá	471.732.286	1.812.210.343
Dự phòng tổn thất đầu tư	2.183.984.003	3.127.740.125
Khác	-	31.188.960
Cộng	18.734.389.760	16.078.135.248

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.5. Chi phí bán hàng

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí nhân viên	12.568.202.241	15.363.043.180
Chi phí đồ dùng văn phòng	202.560.055	382.915.780
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.355.784.950	10.838.312
Chi phí bảo hành	500.943.494	183.211.360
Chi phí Pre – sales	1.829.094.697	1.837.720.177
Chi phí phát hành, giá hạn thư bảo lãnh	568.096.337	2.828.698.871
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.098.094.728	1.213.131.501
Chi phí bằng tiền khác	8.663.690.646	9.410.786.724
Cộng	32.786.467.148	31.230.345.905

5.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí nhân viên quản lý	39.190.485.532	32.130.006.439
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng văn phòng	1.953.137.757	1.560.838.817
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.436.134.659	2.306.457.678
Chi phí điện, nước, thuê mặt bằng	2.673.322.716	2.499.492.260
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.424.473.748	7.862.518.011
Chi phí bằng tiền khác	5.664.326.904	6.649.572.870
Cộng	59.341.881.316	53.008.886.075

5.7. Thu nhập khác

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Thu phạt hợp đồng	354.922.218	1.676.883.764
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	306.163.764
Thu nhập khác	10.545.332.421	5.784.997.786
Cộng	10.900.254.639	7.768.045.314

5.8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí nhân công	51.758.687.773	47.493.049.619
Chi phí khấu hao tài sản cố định	10.963.949.997	13.452.925.576
Chi phí dịch vụ mua ngoài	80.790.539.695	78.375.212.680
Chi phí khác bằng tiền	16.483.715.362	18.004.114.191
Cộng	159.996.892.827	157.325.302.066

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành được xác định như sau:

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm	25.952.310.350	22.733.605.759
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	1.026.328.857	185.325.335
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm	(4.484.507.841)	(2.546.160.827)
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh	22.494.131.366	20.372.770.267
Thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh được hưởng ưu đãi – thuế suất 10%	20.964.753.447	-
Thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh không được hưởng ưu đãi – thuế suất 20%	1.529.377.919	20.372.770.267
Chi phí thuế từ hoạt động sản xuất kinh doanh được hưởng ưu đãi – thuế suất 10%	2.096.475.345	-
Chi phí thuế từ hoạt động sản xuất kinh doanh không được hưởng ưu đãi – thuế suất 20%	305.875.584	4.074.554.053
Chi phí thuế TNDN nộp bổ sung	-	197.133.729
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	2.402.350.929	4.271.687.782

Các khoản điều chỉnh tăng, giảm thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo qui định của Luật thuế TNDN không được xem là chi phí/thu nhập khi tính thuế như:

- Chi phí không có hóa đơn chứng từ.
- Cổ tức được chia.
- Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản tiền, công nợ phải thu có gốc ngoại tệ;

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

6.1. Số tiền đi vay thực thu trong năm

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	622.923.019.777	496.823.906.673

6.2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	(547.958.199.112)	(427.222.342.200)

7. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan

1. Công ty CP Dịch vụ Công Nghệ Sao Bắc Đầu
2. Công ty CP Công Nghệ Số Sao Bắc Đầu
3. Công ty CP Dịch vụ Viễn thông Sao Bắc Đầu
4. Công ty CP Công Nghệ Sao Bắc Đầu Miền Nam
5. Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Mối quan hệ

- Công ty con
 Công ty con
 Công ty con
 Công ty con
 Thành viên quản lý chủ chốt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

	Tại ngày 31/12/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Phải thu khách hàng:		
Công ty CP Dịch vụ Công Nghệ Sao Bắc Đầu	154.687.794	945.817
Công ty CP Dịch vụ Viễn thông Sao Bắc Đầu	2.968.248.114	144.965.581
Công ty CP Công Nghệ Số Sao Bắc Đầu	7.601.740.076	7.269.135.217
Công ty CP Công Nghệ Sao Bắc Đầu Miền Nam	27.946.249.188	-
Cộng – Xem thêm mục 4.3	38.670.925.172	7.415.046.615
	Tại ngày 31/12/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Trả trước cho người bán Xem thêm mục 4.4:		
Công ty CP Công Nghệ Sao Bắc Đầu Miền Nam	178.937.602	-
	Tại ngày 31/12/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Phải thu khác:		
Công ty CP Dịch vụ Công Nghệ Sao Bắc Đầu	766.667.000	-
Công ty CP Công nghệ Sao Bắc Đầu Miền Nam	3.660.000.000	-
Cộng – Xem thêm mục 4.5	4.426.667.000	-
	Tại ngày 31/12/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Phải trả người bán:		
Công ty CP Dịch vụ Viễn thông Sao Bắc Đầu	(326.896.063)	(400.000.000)
Công ty CP Công Nghệ Số Sao Bắc Đầu	(7.766.906)	(32.670.000)
Cộng – Xem thêm mục 4.11	(334.662.969)	(432.670.000)
	Tại ngày 31/12/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Vay ngắn hạn – Xem thêm mục 4.18:		
Công ty CP Dịch vụ Công Nghệ Sao Bắc Đầu	(2.000.000.000)	(4.000.000.000)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦUĐịa chỉ: Lô U12B-16A, Đường số 22, Khu Chế Xuất Tân Thuận,
Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Bán hàng và cung cấp dịch vụ:		
Công ty CP Dịch vụ Công Nghệ Sao Bắc Đầu	1.226.564.558	2.035.683.656
Công ty CP Dịch vụ Viễn thông Sao Bắc Đầu	2.987.683.807	131.786.892
Công ty CP Công Nghệ Số Sao Bắc Đầu	3.437.713.448	2.364.734.596
Công ty CP Công Nghệ Sao Bắc Đầu Miền Nam	83.685.878.036	-
Cộng – Xem thêm mục 5.1	91.337.839.849	4.532.205.144
	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Bán tài sản và công cụ dụng cụ:		
Công ty CP Dịch vụ Viễn thông Sao Bắc Đầu	-	1.329.490.801
	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Mua hàng hóa và dịch vụ:		
Công ty CP Công Nghệ Sao Bắc Đầu Miền Nam	8.163.766.965	-
Công ty CP Dịch vụ Công Nghệ Sao Bắc Đầu	175.089.813	-
Công ty CP Dịch vụ Viễn thông Sao Bắc Đầu	461.640.033	2.291.830.582
Công ty CP Công Nghệ Số Sao Bắc Đầu	-	1.069.151.646
Cộng	8.800.496.811	3.360.982.228
	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Mua tài sản:		
Công ty CP Công Nghệ Số Sao Bắc Đầu	-	1.329.490.801
	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Trả nợ gốc vay:		
Công ty CP Dịch vụ Công Nghệ Sao Bắc Đầu	2.000.000.000	-
	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí lãi vay – Xem thêm mục 5.4:		
Công ty CP Dịch vụ Công Nghệ Sao Bắc Đầu	259.638.878	238.333.326

C
 Y
 ỦY
 TẬP
 CHỈ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Công ty cũng nhận tiền từ các bên có liên quan khi cần để bổ sung vốn lưu động. Lãi được trích hoặc phải trả theo lãi suất kinh doanh thông thường. Khoản vay từ các bên có liên quan chịu lãi suất là 7,5%/năm đối với VND. Khoản vay tín chấp này có thời gian hoàn trả cụ thể.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan không có tài sản bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan.

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Thù lao của Hội đồng quản trị, thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và các nhân viên quản lý chủ chốt khác được hưởng trong năm như sau:

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Thù lao và thu nhập	7.136.322.530	5.451.797.526
8. THU NHẬP CỦA BAN KIỂM SOÁT		
	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Thù lao	243.473.000	226.578.400

9. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính.



Trần Anh Tuấn
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 03 năm 2018


Trần Phan Thúy An
Kế toán trưởng


Nguyễn Thị Thu Hiền
Người lập

